

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

1.1. Chủ đầu tư: Quân chủng Phòng không-Không quân.

1.2. Dự án:

1.3. Tên gói thầu: Gói thầu SB-01.26: Mua sắm trang bị thi công nhỏ phục vụ công tác chuyên môn năm 2026.

1.4. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng.

1.5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Thông số kỹ thuật: Hàng hóa cung cấp phải đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật, phù hợp như mô tả tại bảng yêu cầu về kỹ thuật.

- Hàng hoá, thiết bị được cung cấp và lắp đặt phải có thông tin rõ ràng về nguồn gốc, xuất xứ bao gồm: Tên hãng sản xuất, Tên nước sản xuất, Tên và mã hiệu của thiết bị, năm sản xuất. Mỗi danh mục hàng hoá trong phạm vi cung cấp của gói thầu, nhà thầu chỉ được đề xuất 01 xuất xứ hàng hoá tương ứng;

- Hàng hoá sản xuất không trước năm 2025, mới 100% và chưa qua sử dụng;

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu kỹ thuật, catalogue của Nhà sản xuất để chứng minh chất lượng của hàng hóa, các thông số kỹ thuật, phù hợp hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT. Tài liệu kỹ thuật hàng hóa có thể là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng dịch thuật;

- Nhà thầu phải ghi rõ thời gian bảo hành, bảo trì của hàng hóa, thiết bị

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật
1	Máy bơm nước động cơ xăng	- Công suất ≥ 4.0 HP (3kW) - Lưu Lượng ≥ 620 lít/phút (37,2m ³ /h) - Trọng lượng khô ≥ 21 kg - Kích thước (mm): $\geq 490 \times 400 \times 450$
2	Máy cắt cỏ cầm tay động cơ xăng	- Công suất: ≥ 1.4 HP - Loại động cơ: 4 thì (1 xylanh) - Cản: Takuma

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ không tải: 7000 vòng/phút - Dung tích bình xăng: 0.68 l - Đường kính lưỡi cắt: ≥ 355 mm - Phụ kiện kèm theo: Túi đồ nghề, dây đeo, chắn cỏ, lưỡi cắt - Kích thước (mm): $\geq 1700 \times 200 \times 300$
3	Máy cắt sắt bàn điện	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: ≥ 2300W - Đường kính lưỡi cắt: ≥ 355mm - Đường kính ren trục: 2.54 - Trọng lượng máy: ≥ 13.5kg - Khả năng cắt ống tròn: ≥ 129mm - Khả năng cắt sắt hộp vuông: $\geq 119 \times 119$mm
4	Máy cắt thép thủy lực cầm tay	<ul style="list-style-type: none"> - Mã: RC-25 - Công suất: ≥ 1600W - Điện áp 220V - Đường kính thép cắt: 4-32mm
5	Máy chà nhám	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: $\geq 1,2$kw - Điện áp: 220 V - 1 pha - Trọng lượng: ≥ 6 kg
6	Máy cưa bàn điện	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: ≥ 3Kw - Điện áp: 380V - Tốc độ quay: 3000 Vòng/ phút - Đường kính cắt: ≥ 110mm
7	Máy Cưa lọng	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất : ≥ 450W - Điện áp: 220V - Độ cắt sâu: Gỗ: ≥ 65 mm; Thép: ≥ 6 mm - Tốc độ không tải: 500 - 3,100 l/p
8	Máy cưa xích chạy xăng	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: $\geq 2,6$KW - Dung tích xi lanh : 58cc - Nhiên liệu: xăng pha nhớt 1:25 - Lam: 20 inch, Xích: 76DL - Kích thước: $\geq 51.0 \times 26.0 \times 29.0$cm - Trọng lượng: $\geq 7,2$kg
9	Máy duỗi sắt bàn động cơ điện	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: ≥ 10 Hp - Đường kính thép duỗi: $\geq \Phi 8$mm - Tốc độ duỗi: ≥ 50m/p - Khả năng cắt: $\geq 1,2$m
10	Máy Đầm bàn động cơ xăng	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ xăng Robin EX21 - Dung tích xy lanh: 211 cc - Công suất cực đại: ≥ 7.0 HP - Vòng tua: 3,600 vòng/phút

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật
11	Máy đầm dùi bê tông	- Động cơ: $\geq 1,5$ kw - Điện áp 220V - Dây dùi 1,5m
12	Máy Đầm thước điện	- Loại: 4 thì, 1 xi lanh - Công suất: $\geq 1,2$ Kw, Tốc độ 7000 v/p - Chiều dài thước ≥ 3 m - Trọng lượng: ≥ 25 Kg - Kích thước (mm): $\geq 3000*1280*600$
13	Máy đục bê tông	- Công suất: ≥ 1.500 W - Tốc độ không tải: 0 - 1.500 vòng/phút - Đường kính mũi đục: ≥ 30 mm - Nguồn điện áp: 220V/50Hz - Trọng lượng sản phẩm: ≥ 21 kg
14	Máy hàn xách tay điện	- Công suất ≥ 5 Kw - Cường độ ≥ 200 A - Nguồn điện 220V - Đường kính que hàn ≥ 4 mm - Trọng lượng ≥ 50 Kg - Biến áp: Dây đồng
15	Máy khoan điện	- Công suất: ≥ 720 W - Đường kính khoan bê tông, mũi khoan búa: 4 – 22 mm - Tỷ lệ va đập: 0 – 4.800 bpm
16	Máy khoan rút lõi bê tông	- Công suất: ≥ 3300 w - Điện áp: 220V - Tốc độ không tải: 500 v/p - Đường kính khoan tối đa: ≥ 200 mm - Phụ kiện: Đồng bộ.
17	Máy mài góc	- Công suất: ≥ 720 W - Đường kính: 125mm - Tốc độ không tải: 11.000 vòng/phút - Kích thước: $\geq 261*140*111$ mm - Trọng lượng: ≥ 1.9 kg
18	Máy mài sàn bê tông	- Công suất tổng: $\geq 4,75$ KW - Đường kính: 125mm - Tốc độ không tải: 14500 vòng/phút - Kích thước: $\geq 1100*460*980$ mm - Trọng lượng: ≥ 145 kg
19	Máy nén khí 3 pha	- Công suất: ≥ 10 HP - Điện áp: 3 pha- 380V - Lưu lượng: ≥ 1050 Lít/phút

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực: ≥ 12.5 Kg/cm³ - Dung tích bình chứa: ≥ 500 Lít
20	Máy phát điện	<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp đầu ra: 1 pha/220V - Công suất máy phát điện: 5.0 - 5.5 kVA - Kiểu động cơ của máy phát: GX390 - Hệ thống khởi động: Giật nổ bằng tay và có củ đề - Trọng lượng: ≥ 80kg (có bánh xe)
21	Máy sơn vạch kẻ đường	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: ≥ 5.5HP - Trọng lượng: ≥ 75 Kg
22	Máy Tời treo vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Trục quay 360 Độ - Công suất động cơ: ≥ 2.2kw (có tay côn)
23	Máy thủy bình	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị đo: 360 độ - Độ phóng đại: 32x - Sai số: 1 mm ở 30 m - Khoảng hoạt động : ≥ 120 m - Bộ sét bao gồm: GOL 32 D + Chân máy BT 160 + Cây mia GR 500
24	Máy trộn động cơ xăng 5.5HP	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ xăng Honda GX160 - Công suất ≥ 5.5HP - Dung tích thùng trộn ≥ 370 lít - Dung tích mẻ trộn ≥ 300 lít - Năng suất trộn ≥ 5.5 m³/h
25	Máy trộn bê tông tự hành động cơ D8	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ: Diesel D8 - Dung tích thùng trộn: ≥ 360 lít - Dung tích mẻ trộn: ≥ 290 lít - Năng suất trộn: ≥ 5 m³/h
26	Máy trộn điện 2,2kW 220V	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ $\geq 2,2$ kW/220V - Dung tích thùng trộn ≥ 370 lít - Dung tích mẻ trộn ≥ 300 lít - Năng suất trộn ≥ 5 m³/h - Tốc độ động cơ ≤ 1600v/phút
27	Máy xoa mặt bê tông điện	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính khung 1m - Công suất động cơ điện $\geq 3,2$kw/220v - Kích thước (mm) $\geq 1020 \times 1020 \times 360$
28	Xe lu rung rất tay	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất động cơ: ≥ 13HP - Lực rung ≥ 25KN - Tốc độ di chuyển 0-4km/h - Dung tích bình dầu: ≥ 6L - Dung tích bình nước: ≥ 15L

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> - Khởi động Đề nổ - Trọng lượng: $\geq 660\text{kg}$ - Kích thước: $\geq 955 \times 930 \times 2600\text{mm}$
29	Máy cân bằng lazer	<ul style="list-style-type: none"> - Loại 5 tia tự động cân bằng - Laser siêu sáng 12V - Pin $\geq 3600\text{mah}$ - Khoảng cách làm việc: $\geq 80\text{m}$
30	Máy rửa cao áp	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực làm việc: $\geq 200\text{Bar}$ - Áp lực tối đa: $\geq 220\text{Bar}$ - Công suất: $\geq 5.5\text{kW}$ - Điện áp: 380V/3pha - Piston: Sứ - Lưu lượng nước: $\geq 14,6\text{Lít/phút}$ - Tốc độ: 1450 vòng/phút - Ống cao áp: $\geq 15\text{M/}$ lõi thép - Súng cao áp+Béc: $0^\circ, 15^\circ, 40^\circ$, béc hóa chất - Trọng lượng: $\geq 96\text{Kg}$
31	Xe rửa bánh xích 1,5T	<ul style="list-style-type: none"> - Tải trọng định mức: $\geq 1500\text{kg}$ - Trọng lượng bản thân: $\geq 590\text{kg}$ - Kích thước tổng thể (Dài Rộng Cao): $2200 \times 1100 \times 1300$ - Kích thước bánh xích: $\geq 230 \times 72 \times 46\text{mm}$ - Số cấp số: 3 tiến, 1 lùi - Tốc độ di chuyển tối đa: $\geq 15\text{km/h}$ - Phương thức khởi động: Đề nổ
32	Xe rửa bánh lốp 2,5m ³	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích thùng: $\geq 2,5\text{m}^3$ - Kích thước thùng: $\geq 2250 \times 1780 \times 700$ - Cơ cấu hệ thống ben nâng hạ: Thủy lực (02 trụ, 03 đốt) - Công suất động cơ: $\geq 30\text{HP}$ - Hệ thống đề khởi động: 12V - Tốc độ di chuyển tối đa: $\geq 30\text{Km/h}$ - Kích thước: $\geq 3300 \times 1850 \times 1750$ - Tải trọng: $\geq 5000\text{kg}$

1.3. Các yêu cầu khác: Không

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

1. Kiểm tra và thử nghiệm phục vụ công tác nghiệm thu:

Trình tự, quy trình, thủ tục nghiệm thu chạy thử không tải, có tải thực hiện theo các tiêu chuẩn hiện hành về vận hành chạy thử không tải, có tải theo quy định

hiện hành.

Công tác an toàn khi thực hiện vận hành thử nghiệm: Tuyệt đối tuân thủ theo quy định về an toàn theo quy trình được quy định. Trước khi thực hiện vận hành thử nghiệm, nhà thầu phải có trách nhiệm trình Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư (các bên liên quan (nếu có)) về quy trình an toàn khi vận hành và thử nghiệm và phải thực hiện kiểm tra nghiêm túc, được sự chấp thuận của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và các bên liên quan mới được thực hiện.

Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì bên chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng. Và bên nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác có chất lượng tương đương hoặc cao hơn nhưng phù hợp nhưng phải được bên Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được thì bên nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra.

2. Kiểm tra và thử nghiệm phục vụ công tác kiểm định, thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng

Thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý chuyên môn và quy định pháp luật của địa phương đặt dự án.